

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9 – VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2025/DS-ST

Ngày: 21-8-2025

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Vũ;

2. Ông Lê Khắc Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Sĩ - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long.

Trong ngày 21 tháng 8 năm 2025 tại Phòng xét xử Tòa án nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 167/2025/TLST-DS ngày 29 tháng 4 năm 2025 về tranh chấp “hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2025/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2025/QĐST-DS ngày 30 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Đỗ Thành A, sinh năm 1986; địa chỉ: số A ấp G, xã G, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là số A ấp G, xã T, tỉnh Vĩnh Long).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đỗ Thành A: bà Đào Hồng V, sinh năm 1966; địa chỉ: số H ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là số H ấp A, xã T, tỉnh Vĩnh Long). Có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thu H, sinh năm 1969; địa chỉ: số A ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là số 194/1 ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long). Có mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ông Võ Văn L, sinh năm 1970; địa chỉ: số A ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là số 194/1 ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/4/2025, bản khai, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bà Đào Hồng V là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đỗ Thành A trình bày:

Do có quen biết nên vào ngày 17/9/2024 bà Nguyễn Thu H có vay của ông Đỗ Thành A số tiền 605.000.000 đồng, lãi suất hai bên thỏa thuận là 2.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, khi vay bà H nói là mục đích bà H vay để trả nợ cho Ngân hàng. Việc vay tiền này bà H có viết giấy biên nhận nợ với ông A, bà H có hứa hẹn đến ngày 20/9/2024 bà H sẽ trả số tiền trên cho ông A. Tuy nhiên, sau khi vay bà H không thực hiện việc trả vốn và lãi như cam kết, đến đầu tháng 4 năm 2025 bà H có trả cho ông Đỗ Thành A 02 lần với tổng số tiền là 200.000.000 đồng.

Hiện nay bà H còn nợ ông Đỗ Thành A số tiền vốn 405.000.000 đồng nhưng chưa thanh toán cho ông Đỗ Thành A. Việc này làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông Đỗ Thành A. Tuy ông Võ Văn L không trực tiếp vay tiền của ông Đỗ Thành A nhưng ông L và bà H là vợ chồng hợp pháp, việc bà H vay tiền của ông Đỗ Thành A để trả nợ chung cho gia đình nên ông L phải có nghĩa vụ liên đới cùng bà Nguyễn Thu H để trả nợ cho ông Đỗ Thành A.

Ông Đỗ Thành A xin rút lại yêu cầu tính lãi phát sinh đối với bà Nguyễn Thu H và ông Võ Văn L, lãi tính từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án với mức lãi suất là 0,83%/tháng.

Nay ông Đỗ Thành A yêu cầu Tòa án như sau: buộc bà Nguyễn Thu H và ông Võ Văn L có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Đỗ Thành A số tiền nợ gốc là 405.000.000 đồng và số tiền lãi tính từ ngày 17/9/2024 đến ngày 17/3/2025 là 06 tháng x 605.000.000 đồng x 1.66%/tháng = 60.258.000 đồng. Tổng số tiền nợ gốc và tiền lãi ông Đỗ Thành A yêu cầu bà Nguyễn Thu H và ông Võ Văn L phải có nghĩa vụ liên đới trả là 465.258.000 đồng. Ông Đỗ Thành A không có yêu cầu gì khác.

Theo bản khai, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn Nguyễn Thu H trình bày:

Bà và ông Võ Văn L là vợ chồng hợp pháp có đăng ký kết hôn theo quy định. Do có quen biết với ông Đỗ Thành A, vào ngày 17/9/2024, bà có thực hiện việc vay tiền của ông Đỗ Thành A với số tiền là 605.000.000 đồng, vay có thỏa thuận lãi suất. Ông A là người trực tiếp giao tiền và bà là người trực tiếp nhận số tiền vay nêu trên. Bà vay tiền của ông Đỗ Thành A là để nhằm trả nợ cho Ngân hàng mà bà và ông L đã vay trước đó. Khi thực hiện việc vay tiền thì giữa bà và ông Đỗ Thành A có lập giấy tay về việc vay tiền là “Biên nhận” đề ngày 17/9/2024 do bà viết và ký tên. Theo thỏa thuận thì đến ngày 20/9/2024 bà sẽ thực hiện việc trả số tiền nợ gốc là 605.000.000 đồng và số tiền lãi như đã thỏa thuận cho ông Đỗ Thành A. Tuy nhiên, do điều kiện kinh tế không thuận lợi nên hiện tại bà chỉ mới trả được cho ông Đỗ Thành A số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng. Bà thừa nhận hiện tại bà và ông Võ Văn L còn nợ ông Đỗ Thành A số tiền nợ gốc là 405.000.000 đồng và số tiền nợ lãi tính từ ngày 17/9/2024 đến ngày 17/3/2025 là 60.258.000 đồng giống như yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Thành A. Tổng cộng số tiền vợ chồng bà còn nợ ông Đỗ Thành A số tiền là 465.258.000 đồng. Nay bà đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Thành A, bà đồng ý liên đới cùng ông Võ Văn L trả cho ông A tổng số tiền 465.258.000 đồng nhưng hiện tại bà chưa có tiền để trả.

Đối với ông Võ Văn L sống cùng nhà với bà, các giấy tờ mà Tòa án giao cho ông L thì bà có nhận thay và có giao lại cho ông L nhưng ông L bận công việc không thể đến Tòa án được.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn L vắng mặt suốt trong quá trình tố tụng tại Tòa án nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Thành A yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thu H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn L trả tiền vay còn nợ nên quan hệ pháp luật là “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” được quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn bà Nguyễn Thu H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn L có cư trú tại số A ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là số 194/1 ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long), căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án (Luật số 85/2025/QH15 ngày 26/6/2025) vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long.

[2] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn L đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng trình tự thủ tục quy định tại Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đồng thời, ông Võ Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Võ Văn L.

[3] Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa phía nguyên đơn ông Đỗ Thành A xin rút lại yêu cầu tính lãi phát sinh tính từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án với mức lãi suất là 0,83%/tháng. Xét việc nguyên đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn.

[4] Về nội dung tranh chấp: Nguyên đơn ông Đỗ Thành A yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thu H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn L có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay còn nợ tổng cộng là 465.258.000 đồng, trong đó gồm tiền nợ gốc là 405.000.000 đồng và tiền nợ lãi là 60.258.000 đồng. Bị đơn bà Nguyễn Thu H thừa nhận còn nợ của ông Đỗ Thành A số tiền nợ tổng cộng là 465.258.000 đồng như yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đồng ý liên đới cùng ông Võ Văn L trả nợ cho nguyên đơn nhưng hiện tại chưa có điều kiện trả.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, nguyên đơn cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là “Biên nhận” ngày 17/9/2024 (bản chính) có nội dung thể hiện bà Nguyễn Thu H có mượn của ông Đỗ Thành A số tiền 605.000.000 đồng, trong đó có chữ ký của người mượn nợ là bà Nguyễn Thu H.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần và đã được tổng đạt các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn giao nộp nhưng không có ý kiến trình bày và vắng mặt không có lý do trong tất cả

các lần Tòa án triệu tập xem như ông Võ Văn L đã tự từ bỏ nghĩa vụ chứng minh của mình. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để giải quyết vụ án.

[6] Trên cơ sở xem xét yêu cầu khởi kiện và các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, việc không phản đối của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn L và việc thừa nhận nợ của bị đơn bà Nguyễn Thu H; căn cứ vào khoản 2 Điều 91 và khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án công nhận tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp làm cơ sở xác định giữa nguyên đơn ông Đỗ Thành A và bị đơn bà Nguyễn Thu H có xác lập, thực hiện hợp đồng vay tài sản. Qua đó, thể hiện bà Nguyễn Thu H còn nợ ông Đỗ Thành A số tiền nợ 405.000.000 đồng nhưng chưa trả. Đồng thời, có đủ cơ sở xem xét hợp đồng vay tài sản được ông Đỗ Thành A và bà Nguyễn Thu H giao kết trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, không ai bị lừa dối hoặc bị ép buộc, các bên đều có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự nên được xem là hợp đồng hợp pháp và được công nhận theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[7] Xét yêu cầu trách nhiệm liên đới trả nợ của nguyên đơn ông Đỗ Thành A đối với bị đơn bà Nguyễn Thu H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn L, Hội đồng xét xử nhận thấy: bà H thừa nhận bà và ông L là vợ chồng hợp pháp. Bà H cho rằng việc bà vay tiền của ông A là để trả nợ của bà và ông L cho Ngân hàng. Đối với ông L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần và đã được tổng đạt các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp nhưng ông L không có ý kiến trình bày và vắng không có lý do trong tất cả các lần Tòa án triệu tập xem như ông L đã tự từ bỏ nghĩa vụ chứng minh của mình. Vì vậy, cần buộc ông Võ Văn L phải có nghĩa vụ liên đới cùng bà Nguyễn Thu H để trả nợ cho ông Đỗ Thành A là phù hợp với quy định tại các Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 288 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[8] Xét yêu cầu tính lãi suất: nguyên đơn ông Đỗ Thành A yêu cầu bà Nguyễn Thu H và ông Võ Văn L trả tiền lãi của số tiền vay 620.000.000 đồng, lãi tính từ ngày 17/9/2024 đến ngày 17/3/2025 là 06 tháng x 605.000.000 đồng x 1.66%/tháng thành tiền là 60.258.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, bị đơn bà Nguyễn Thu H thừa nhận khi vay tiền của ông A thì hai bên có thỏa thuận tính lãi suất, bị đơn bà H đồng ý với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn và đồng ý trả tiền lãi cho nguyên đơn nên yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[9] Do yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Thành A được chấp nhận nên bà Nguyễn Thu H và ông Võ Văn L phải liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 22.610.320 đồng. Ông Đỗ Thành A được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành

niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án (Luật số 85/2025/QH15 ngày 26/6/2025);

Căn cứ các Điều 288, 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện tính lãi phát sinh của nguyên đơn ông Đỗ Thành A đối với yêu cầu tính lãi, tính từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án với mức lãi suất là 0,83%/tháng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Thành A đối với bị đơn bà Nguyễn Thu H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn L. Buộc bà Nguyễn Thu H và ông Võ Văn L có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Đỗ Thành A số tiền vay còn nợ tổng cộng là 465.258.000 đồng (Bốn trăm sáu mươi lăm triệu hai trăm năm mươi tám nghìn đồng), trong đó bao gồm tiền nợ gốc là 405.000.000 đồng và tiền nợ lãi là 60.258.000 đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

3.1. Buộc bà Nguyễn Thu H và ông Võ Văn L phải có nghĩa vụ liên đới nộp 22.610.320 đồng.

3.2. Hoàn trả cho ông Đỗ Thành A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.306.000 đồng theo biên lai thu số 0011042 ngày 25/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9 thuộc Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long).

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long;
- Phòng Thi hành án khu vực 9 thuộc
Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 9 - Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Văn Tú